

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
MỞ TẠI: TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI**

Đợt 8- thi ngày: 25/07/2020

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHLHN ngày.....tháng.....năm 2020)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Điều kiện	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ghi chú
1	20CC1101	Lê Văn Anh	04-06-1997	Nữ	Lạng Sơn	Tày	8	7.5	Đạt	0591-CC11-2020	
2	20CC1102	Nguyễn Thị Lan Anh	07-12-1997	Nữ	Bắc Giang	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0592-CC11-2020	
3	20CC1103	Đặng Ngọc ánh	09-05-1996	Nữ	Tuyên Quang	Dao	9	8	Đạt	0593-CC11-2020	
4	20CC1104	Phùng Xuân Bền	15-05-1983	Nam	Thanh Hóa	Kinh	10	9.5	Đạt	0594-CC11-2020	
5	20CC1105	Nguyễn Thanh Bình	02-09-1972	Nam	Thanh Hóa	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0595-CC11-2020	
6	20CC1106	Ngô Thị Mĩ Bình	08-07-1998	Nữ	Nam Định	Kinh	9.5	10	Đạt	0596-CC11-2020	
7	20CC1107	Đào Thị Hải Châu	15-06-1998	Nữ	Cao Bằng	Tày	9.5	9.5	Đạt	0597-CC11-2020	
8	20CC1108	Nguyễn Thuỳ Dương	13-02-1998	Nữ	Hà Nội	Kinh	9.5	10	Đạt	0598-CC11-2020	
9	20CC1109	Lê Thị Hải Đường	12-10-1998	Nữ	Nghệ An	Kinh	9	9.5	Đạt	0599-CC11-2020	
10	20CC1110	Dương Thị Anh Đào	22-06-1998	Nữ	Lạng Sơn	Tày	10	9.5	Đạt	0600-CC11-2020	
11	20CC1111	Đỗ Thị Thanh Huyền	12-09-1997	Nữ	Nam Định	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0601-CC11-2020	
12	20CC1112	Đào Thị Huệ	04-11-1990	Nữ	Hà Nội	Kinh	10	9	Đạt	0602-CC11-2020	
13	20CC1113	Trần Minh Huệ	13-03-1998	Nữ	Cao Bằng	Nùng	9	8.5	Đạt	0603-CC11-2020	
14	20CC1114	Phạm Thu Hương	02-04-1987	Nữ	Hà Nội	Kinh	8.5	8.5	Đạt	0604-CC11-2020	
15	20CC1115	Hoàng Phương Hà	06-04-1987	Nữ	Phú Thọ	Kinh	9.5	8	Đạt	0605-CC11-2020	
16	20CC1116	Trần Thị Thu Hà	26-08-1998	Nữ	Nam Định	Kinh	9	9.5	Đạt	0606-CC11-2020	
17	20CC1117	Âu Thúy Hằng	09-02-1998	Nữ	Cao Bằng	Tày	8.5	8	Đạt	0607-CC11-2020	
18	20CC1118	Hà Thị Hậu	03-03-1998	Nữ	Thanh Hóa	Mường	10	9.5	Đạt	0608-CC11-2020	
19	20CC1119	Trần Tuấn Hùng	23-05-1998	Nam	Thái Bình	Kinh	9	9.5	Đạt	0609-CC11-2020	
20	20CC1120	Ngô Thị Thu Lan	14-05-1986	Nữ	Quảng Ninh	Kinh	9	9.5	Đạt	0610-CC11-2020	
21	20CC1121	Đặng Thùy Linh	12-12-1997	Nữ	Hải Dương	Kinh	9	9.5	Đạt	0611-CC11-2020	
22	20CC1122	Lê Vi Linh	29-03-1998	Nữ	Thanh Hóa	Kinh	10	9.5	Đạt	0612-CC11-2020	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Điều kiện	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ghi chú
23	20CC1124	Nguyễn Nhật	Minh	27-02-1998	Nam	Lâm Đồng	Kinh	7.5	8	Đạt	0613-CC11-2020	
24	20CC1125	Lê Trà	My	07-03-1987	Nữ	Hà Nội	Kinh	10	10	Đạt	0614-CC11-2020	
25	20CC1126	Phan Tiến	Mừng	21-01-1998	Nam	Hung Yên	Kinh	9	9.5	Đạt	0615-CC11-2020	
26	20CC1127	Nguyễn Lê Diệu	Ngân	20-01-1998	Nữ	Nghệ An	Kinh	9	10	Đạt	0616-CC11-2020	
27	20CC1128	Nguyễn Bảo	Ngọc	29-11-1998	Nữ	Nam Định	Kinh	8.5	8	Đạt	0617-CC11-2020	
28	20CC1129	Lương Hải	Như	14-08-1999	Nữ	Hà Nội	Kinh	8.5	9.5	Đạt	0618-CC11-2020	
29	20CC1130	Lương Quỳnh	Như	14-08-1999	Nữ	Hà Nội	Kinh	10	9.5	Đạt	0619-CC11-2020	
30	20CC1131	Đỗ Thị	Phương	18-06-1998	Nữ	Bình Phước	Kinh	8	9.5	Đạt	0620-CC11-2020	
31	20CC1132	Phạm Minh	Quang	24-09-1998	Nam	Thái Nguyên	Kinh	9.5	9	Đạt	0621-CC11-2020	
32	20CC1133	Đặng Ngọc	Quỳnh	09-11-1963	Nam	Hung Yên	Kinh	9.5	9	Đạt	0622-CC11-2020	
33	20CC1134	Nguyễn Duyên	Quỳnh	18-10-1998	Nữ	Hà Nội	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0623-CC11-2020	
34	20CC1135	Hoàng Võ	Quý	05-10-1998	Nam	Lạng Sơn	Tày	9	8.5	Đạt	0624-CC11-2020	
35	20CC1136	Đặng Hoàng	Sơn	24-03-1974	Nam	Phú Thọ	Kinh	9	9.5	Đạt	0625-CC11-2020	
36	20CC1137	Đỗ Thị	Thu	15-10-1998	Nữ	Thanh Hóa	Kinh	9	9	Đạt	0626-CC11-2020	
37	20CC1138	Nguyễn Thị	Thu	12-05-1998	Nữ	Thanh Hóa	Kinh	9	8	Đạt	0627-CC11-2020	
38	20CC1139	Hồ Thị	Thùy	17-09-1998	Nữ	Nghệ An	Kinh	9.5	9	Đạt	0628-CC11-2020	
39	20CC1140	Nguy Tiến	Thảo	19-02-1995	Nam	Hà Tĩnh	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0629-CC11-2020	
40	20CC1141	Phạm Thị	Thảo	10-09-1990	Nữ	Ninh Bình	Kinh	9	9.5	Đạt	0630-CC11-2020	
41	20CC1142	Đào Thị Thu	Trang	20-09-1998	Nữ	Hà Nội	Kinh	9	9	Đạt	0631-CC11-2020	
42	20CC1143	Trần Lê	Trình	22-07-1982	Nữ	Nam Định	Kinh	9	9	Đạt	0632-CC11-2020	
43	20CC1144	Giáp Thị Huyền	Trân	24-07-1999	Nữ	Bắc Giang	Kinh	9.5	9	Đạt	0633-CC11-2020	
44	20CC1145	Lệnh Kim	Tuyền	10-06-1998	Nữ	Hà Giang	Giáy	9.5	8	Đạt	0634-CC11-2020	
45	20CC1146	Lê Thị ánh	Tuyết	09-10-1998	Nữ	Hà Nội	Kinh	9.5	9.5	Đạt	0635-CC11-2020	
46	20CC1147	Phạm Cẩm	Vân	15-06-1998	Nữ	Quảng Ninh	Kinh	9	9.5	Đạt	0636-CC11-2020	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Quang Huy